

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

---

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 5
<b>2. Báo cáo kiểm toán thông tin tài chính</b>	6 - 7
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 44



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV) theo Quyết định số 1987/QĐ-TKV ngày 06/10/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV thành Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp số 5701436805, thay đổi lần 7 ngày 29/12/2015 bắt đầu hoạt động từ 01/01/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp số 5701436805, thay đổi lần 7 ngày 29/12/2015, vốn điều lệ của Công ty là 108.000.000.000 VND được chia thành 10.800.000 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	9.351.800	86,59%
2	Các đối tượng khác	1.448.200	13,41%
<b>Cộng</b>		<b>10.800.000</b>	<b>100%</b>

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

**Hội đồng quản trị:**

Họ và tên:

Chức vụ:

- |                       |   |
|-----------------------|---|
| - Ông Hoàng Minh Hiếu | Chủ tịch                                      |
| - Ông Hà Minh Thọ     | Ủy viên - Giám Đốc (từ ngày 01/12/2018) (i)   |
| - Ông Vũ Văn Mạnh     | Ủy viên - Giám đốc (đến ngày 01/12/2018) (ii) |
| - Ông Lê Văn Lân      | Ủy viên                                       |
| - Ông Phạm Tuấn Ninh  | Ủy viên                                       |
| - Ông Phan Văn Ngôn   | Ủy viên                                       |

(i) Ông Hà Minh Thọ giữ chức vụ ủy viên hội đồng quản trị kể từ ngày 01/12/2018 theo Quyết định số 1766/QĐ-ĐCM ngày 15/11/2018.

(ii) Ông Vũ Văn Mạnh thôi giữ chức vụ ủy viên hội đồng quản trị kể từ ngày 01/12/2018 theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HDQT ngày 15/11/2018.

136  
CÔ  
T N  
P  
IÊ  
/ VU

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Ban Giám đốc:**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Vũ Văn Mạnh	Giám đốc (Đến ngày 1/12/2018)	(iii)
- Ông Hà Minh Thọ	Giám đốc (từ ngày 1/12/2018)	(iv)
- Ông Lê Văn Lân	Phó Giám đốc	
- Ông Phan Văn Ngôn	Phó Giám đốc	
- Ông Nguyễn Bá Lượng	Phó Giám đốc	

(iii) Ông Vũ Văn Mạnh thôi giữ chức vụ Giám đốc và nghỉ hưu kể từ ngày 01/12/2018 theo Quyết định số 1726/QĐ-ĐCM ngày 8/11/2018..

(iv) Ông Hà Minh Thọ giữ chức vụ Giám đốc kể từ ngày 01/12/2018 theo Quyết định số 1768/QĐ-ĐCM ngày 15/11/2018.

**Ban Kiểm soát:**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Lê Thị Kim Dung	Trưởng ban
- Ông Hoàng Kim An	Thành viên
- Ông Nguyễn Đức Luận	Thành viên

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại: số 304 đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và 01 đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ (hạch toán tập trung tại Công ty) là Xí nghiệp Địa chất Đông Triều hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa chất, địa chỉ tại Đông Triều.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TKV  
HAI  
PH

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

**GIÁM ĐỐC**



Hà Minh Thọ

Số: 17/2019/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 44 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV, được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Nguyễn Hồng Quang**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0576-2018-242-1

**Nguyễn Thị Thương**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3381-2015-242-1

40c  
NG  
HIỆN  
K  
T I  
JAT



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>161.786.404.231</b>	<b>197.899.756.686</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.596.520.396	792.844.836
Tiền	111	5.1	2.596.520.396	792.844.836
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.867.577.942	183.106.527.929
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	140.993.682.509	175.982.623.906
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		263.182.019	132.832.019
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		11.173.627.945	4.566.667.873
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	568.929.157	2.516.694.713
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(131.843.688)	(92.290.582)
Hàng tồn kho	140	5.5	4.539.019.054	11.804.874.158
Hàng tồn kho	141		4.539.019.054	11.804.874.158
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.783.286.839	2.195.509.763
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.783.286.839	2.195.509.763
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>123.353.868.826</b>	<b>145.127.382.632</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		108.994.847.942	122.654.058.568
TSCĐ hữu hình	221	5.7	106.180.444.455	119.682.109.329
- Nguyên giá	222		350.925.306.333	334.614.736.955
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(244.744.861.878)	(214.932.627.626)
TSCĐ vô hình	227	5.8	2.814.403.487	2.971.949.239
- Nguyên giá	228		4.986.980.454	4.818.933.902
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.172.576.967)	(1.846.984.663)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.277.265.347	10.542.203.906
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	6.277.265.347	10.542.203.906
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		8.081.755.537	11.931.120.158
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	8.081.755.537	11.931.120.158
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>285.140.273.057</b>	<b>343.027.139.318</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>174.025.946.445</b>	<b>205.930.781.601</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>159.329.259.169</b>	<b>205.930.781.601</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	32.174.209.240	75.241.484.186
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	16.601.265.138	17.468.422.859
Phải trả người lao động	314		23.386.814.040	32.718.135.029
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	664.824.446	400.863.050
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	6.681.518.192	6.354.878.609
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	65.558.704.547	58.432.425.107
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.261.923.566	15.314.572.761
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.696.687.276</b>	<b>-</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		14.696.687.276	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>111.114.326.612</b>	<b>137.096.357.717</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>111.114.326.612</b>	<b>118.414.570.977</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		399.573.116	399.573.116
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.714.753.496	10.014.997.861
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>18.681.786.740</b>
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		-	18.681.786.740
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>285.140.273.057</b>	<b>343.027.139.318</b>

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





ĐỖ THỊ ÂN

NGUYỄN THỊ HỒNG LAN

HÀ MINH THỌ

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	315.924.740.231	387.881.169.562
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		315.924.740.231	387.881.169.562
Giá vốn hàng bán	11	6.2	265.191.836.892	326.206.041.302
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.732.903.339	61.675.128.260
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.676.866	8.126.202
Chi phí tài chính	22	6.4	4.114.940.582	5.555.752.085
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.114.940.582	5.555.680.050
Chi phí bán hàng	25	6.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	42.565.167.042	42.828.659.486
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.058.472.581	13.298.842.891
Thu nhập khác	31	6.5	322.431.815	290.427.267
Chi phí khác	32	6.6	731.205.049	905.570.658
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(408.773.234)	(615.143.391)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.649.699.347	12.683.699.500
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	934.945.851	2.668.701.639
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.714.753.496	10.014.997.861
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	251	927

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐỖ THỊ ÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HỒNG LAN

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

GIÁM ĐỐC

HÀ MINH THỌ

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.649.699.347	12.683.699.500
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	25.971.258.428	29.772.799.918
Các khoản dự phòng	03	39.553.106	(38.631.262)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	72.035
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	60.508.588	(8.126.202)
Chi phí lãi vay	06	4.114.940.582	5.555.680.050
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>33.835.960.051</b>	<b>47.965.494.039</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	30.199.396.881	27.802.730.213
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	7.265.855.104	1.409.722.658
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(44.354.024.290)	(15.937.388.076)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	4.261.587.545	5.802.091.133
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.114.940.582)	(5.555.680.050)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.768.701.639)	(2.345.022.012)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.705.267.700	4.486.426.576
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.552.858.650)	(1.771.099.162)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>24.477.542.120</b>	<b>61.857.275.319</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(22.797.612.741)	(32.787.565.784)
Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.676.866	8.126.202
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(22.791.935.875)</b>	<b>(32.779.439.582)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	250.395.818.856	308.559.018.034
Tiền trả nợ gốc vay	34	(243.269.539.416)	(336.714.668.380)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.008.210.125)	(778.990.071)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>118.069.315</b>	<b>(28.934.640.417)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	792.844.836	649.649.516
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.596.520.396	792.844.836

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐỖ THỊ ÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HỒNG LAN

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

GIÁM ĐỐC



HÀ MINH THỌ

# TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV) theo Quyết định số 1987/QĐ-TKV ngày 06/10/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV thành Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp số 5701436805, thay đổi lần 7 ngày 29/12/2015 bắt đầu hoạt động từ 01/01/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Điều tra cơ bản, thăm dò phục vụ khai thác than và các tài nguyên khoáng sản khác;
- Khảo sát đo đạc địa hình bề mặt, đo đạc chuyên ngành mỏ lộ thiên và hầm lò;
- Đo địa vật lý Karota, sản xuất vật liệu xây dựng và các dịch vụ địa chất khác;
- Dịch vụ ăn uống, phục vụ điều dưỡng tập trung gồm tắm nước khoáng nóng và xoa bóp.

Trong năm tài chính 2018, hoạt động chính của Công ty là: thăm dò địa khảo sát địa chất. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

##### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

##### Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Số 304 đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và 01 đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ (hạch toán tập trung tại Công ty) là Xí nghiệp Địa chất Đông Triều hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa chất, địa chỉ tại Đông Triều, Quảng Ninh

Đến ngày 31/12/2018, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 826 người, trong đó số người quản lý công ty là 6 người.

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

##### Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty. Ngoại trừ việc thay đổi thời gian khấu hao đối với một số tài sản là nhà cửa vật kiến trúc và phương tiện vận tải như đã nêu tại thuyết minh 4.5.1.

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

**4.3. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4.4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá trị gốc, thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |
|--|---|
| - Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | Nhập trước xuất trước   |
| - Chi phí SXKD dở dang                       | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.5.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5 năm - 50 năm
- Máy móc, thiết bị: 3 năm - 10 năm
- Phương tiện vận tải : 6 năm - 9 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 3 năm - 7 năm
- TSCĐ hữu hình khác : 4 năm

*Trong năm 2018, Công ty có thực hiện thay đổi thời gian khấu hao đối với một số tài sản là nhà cửa vật kiến trúc và phương tiện vận tải. Việc thay đổi này làm chi phí trong năm của Công ty giảm 2.841.830.972 đồng so với thời gian khấu hao đã áp dụng từ các năm trước.*

**4.5.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 03 năm
- Quyền sử dụng đất: 50 năm

**4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

0-C  
TY  
HỮU  
H  
AM  
T.S



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm lợi thế kinh doanh, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị của các công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.9. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

**4.10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

**4.11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 07 chuyển sang công ty Cổ phần ngày 29/12/2015 do Sở Kế hoạch và

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp với mã số doanh nghiệp là 5701436805, vốn điều lệ của Công ty là 108.000.000.000 đồng và được chia thành 10.800.000 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	93.518.000.000	93.518.000.000	86,59%
Các cổ đông khác	14.482.000.000	14.482.000.000	13,41%
<b>Cộng</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

**4.12. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.13. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm tài chính.

**4.14. Thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Nước sạch phục vụ sinh hoạt: 5%.
- Hoạt động địa chất và dịch vụ, hàng hóa: 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm tài chính.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu

**4.16. Thuyết minh công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền**

	<u>31/12/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	1.398.156.608	657.411.308
Tiền gửi ngân hàng (ii)	1.198.363.788	135.433.528
<b>Cộng</b>	<b><u>2.596.520.396</u></b>	<b><u>792.844.836</u></b>
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2018 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		1.398.156.608
<b>Cộng</b>		<b><u>1.398.156.608</u></b>
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2018 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
<b>Đồng Việt Nam</b>		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Cẩm Phả		34.090.623
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Cẩm Phả		81.193.378
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Đông Triều		11.849.046
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Cẩm Phả		1.067.832.119
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Cẩm Phả		3.398.622
<b>Ngoại tệ</b>		-
<b>Tổng cộng</b>		<b><u>1.198.363.788</u></b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.2 Phải thu khách hàng**

	<b>31/12/2018</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2018</b> <b>(VND)</b>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>140.993.682.509</b>	<b>175.982.623.906</b>
Công ty Than Dương Huy - TKV	1.715.858.249	7.587.253.210
Công ty Than Mạo Khê - TKV	2.719.751.338	30.987.096.050
Công ty Than Hạ Long - TKV	32.974.324.245	65.395.635.819
Công ty than Mông Dương-Viancomin	44.192.391.104	13.175.981.018
Công ty than Uông Bí-TKV	19.669.339.153	11.052.442.042
Các khoản phải thu khách hàng khác	39.722.018.420	47.784.215.767
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>140.993.682.509</b>	<b>175.982.623.906</b>
<b>c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan : BIỂU SỐ 2</b>		

**5.3 Phải thu khác**

	<b>31/12/2018</b> <b>(VND)</b>		<b>01/01/2018</b> <b>(VND)</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>568.929.157</b>	<b>-</b>	<b>2.516.694.713</b>	<b>-</b>
BHXX, BHYT, BHTN	340.119.593	-	346.758.678	-
Tạm ứng	-	-	-	-
Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam (quỹ phúc lợi và vốn XHH dự án Miếu Mỏ)	102.939.356	-	2.055.519.120	-
Phải thu khác	125.870.208	-	114.416.915	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>568.929.157</b>	<b>-</b>	<b>2.516.694.713</b>	<b>-</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.4 Nợ xấu**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
- Từ 1 năm đến 2 năm	-	-
- Trên 3 năm	131.843.688	-
Xí nghiệp 487 - CN Công ty TNHH MTV Duyên Hải	131.843.688	-
	-	39.553.106
	-	-
	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>131.843.688</b>	<b>131.843.688</b>
	-	<b>39.553.106</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.354.980.243	-	4.709.974.042	-
Công cụ, dụng cụ	126.482.000	-	186.660.800	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.057.556.811	-	6.908.239.316	-
<b>Cộng</b>	<b>4.539.019.054</b>	<b>-</b>	<b>11.804.874.158</b>	<b>-</b>

**5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.277.265.347	10.542.203.906
Mua sắm	-	-
Xây dựng cơ bản	6.277.265.347	10.116.741.611
- Khu di tích địa điểm khai thác than đầu tiên Việt Nam	6.277.265.347	5.749.463.509
- Nhà hóa nghiệm	-	4.367.278.102
Sửa chữa	-	425.462.295
<b>Cộng</b>	<b>6.277.265.347</b>	<b>10.542.203.906</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	118.159.329.726	149.377.083.838	64.056.063.183	1.143.217.843	1.879.042.365	334.614.736.955
- Mua trong năm	30.674.895	8.509.822.825	20.744.803	3.642.521	-	8.564.885.044
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.099.841.448	-	-	-	-	8.099.841.448
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(354.157.114)	-	-	-	-	(354.157.114)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>125.935.688.955</b>	<b>157.886.906.663</b>	<b>64.076.807.986</b>	<b>1.146.860.364</b>	<b>1.879.042.365</b>	<b>350.925.306.333</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu năm	39.774.987.174	123.460.467.150	50.547.825.240	628.696.739	520.651.323	214.932.627.626
- Khấu hao trong năm	6.718.179.481	12.834.654.854	5.904.560.225	188.271.564	-	25.645.666.124
- Tính hao mòn	3.973.597.428	-	-	-	469.760.592	4.443.358.020
- Thanh lý, nhượng bán	(276.789.892)	-	-	-	-	(276.789.892)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>50.189.974.191</b>	<b>136.295.122.004</b>	<b>56.452.385.465</b>	<b>816.968.303</b>	<b>990.411.915</b>	<b>244.744.861.878</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	78.384.342.552	25.916.616.688	13.508.237.943	514.521.104	1.358.391.042	119.682.109.329
Tại ngày cuối năm	75.745.714.764	21.591.784.659	7.624.422.521	329.892.061	888.630.450	106.180.444.455
- Giá trị còn lại tài sản cầm cố thế chấp:						-
- Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng:						131.373.354.298
- Nguyên giá tài sản chờ thanh lý:						55.394.372.535



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	2.780.960.000	2.037.973.902	4.818.933.902
- Mua trong năm	-	168.046.552	168.046.552
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.780.960.000</b>	<b>2.206.020.454</b>	<b>4.986.980.454</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư đầu năm	155.886.684	1.691.097.979	1.846.984.663
- Khấu hao trong năm	62.626.008	262.966.296	325.592.304
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>218.512.692</b>	<b>1.954.064.275</b>	<b>2.172.576.967</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	2.625.073.316	346.875.923	2.971.949.239
Tại ngày cuối năm	2.562.447.308	251.956.179	2.814.403.487
- Giá trị còn lại tài sản cầm cố thế chấp:			-
- Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng:			1.024.917.166
- Nguyên giá tài sản chờ thanh lý:			-

**5.9 Chi phí trả trước**

	<b>31/12/2018 (VND)</b>	<b>01/01/2018 (VND)</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.783.286.839</b>	<b>2.195.509.763</b>
Công cụ, dụng cụ	1.751.032.456	1.121.593.557
Chi phí sửa chữa lớn	-	792.155.883
Chi phí học tập và phí bảo trì	32.254.383	281.760.323
<b>b. Dài hạn</b>	<b>8.081.755.537</b>	<b>11.931.120.158</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.201.413.954	7.900.868.016
Lợi thế kinh doanh	-	2.164.811.326
Các khoản khác	3.880.341.583	1.865.440.816
<b>Cộng</b>	<b>9.865.042.376</b>	<b>14.126.629.921</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.10 Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2018 (VND)		31/12/2018 (VND)			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a. Gốc vay ngắn hạn</b>	<b>56.571.225.107</b>	<b>56.571.225.107</b>	<b>250.395.818.856</b>	<b>241.408.339.416</b>	<b>65.558.704.547</b>	<b>65.558.704.547</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Cẩm Phả	100.000.000	100.000.000	123.039.809.376	94.247.297.877	28.892.511.499	28.892.511.499
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả	33.884.188.815	33.884.188.815	56.711.502.935	76.515.891.916	14.079.799.834	14.079.799.834
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cẩm Phả	22.587.036.292	22.587.036.292	70.644.506.545	70.645.149.623	22.586.393.214	22.586.393.214
<b>b. Gốc vay dài hạn</b>	<b>1.861.200.000</b>	<b>1.861.200.000</b>	-	<b>1.861.200.000</b>	-	-
<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>1.861.200.000</b>	<b>1.861.200.000</b>	-	<b>1.861.200.000</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Cẩm Phả (*)	826.200.000	826.200.000	-	826.200.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả (**)	1.035.000.000	1.035.000.000	-	1.035.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>58.432.425.107</b>	<b>58.432.425.107</b>	<b>250.395.818.856</b>	<b>243.269.539.416</b>	<b>65.558.704.547</b>	<b>65.558.704.547</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**c. Phân loại vay dài hạn đến hạn trả**

	01/01/2018 (VND)		31/12/2018 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Cẩm Phả	826.200.000	826.200.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.035.000.000	1.035.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.861.200.000</b>	<b>1.861.200.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>d. Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính</b>	<b>58.432.425.107</b>	<b>58.432.425.107</b>	<b>65.558.704.547</b>	<b>65.558.704.547</b>
d1 Vay và nợ ngắn hạn ( d1 = a+c)	58.432.425.107	58.432.425.107	65.558.704.547	65.558.704.547
d2 Vay và nợ dài hạn (d2 = b-c)	-	-	-	-

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.11 Phải trả người bán**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	<b>32.174.209.240</b>	<b>32.174.209.240</b>	<b>75.241.484.186</b>	<b>75.241.484.186</b>
Công ty CP thiết bị vật tư Địa chất	6.383.001.350	6.383.001.350	11.319.157.300	11.319.157.300
XN DV Thiết bị vật tư	6.902.014.900	6.902.014.900	23.424.038.000	23.424.038.000
Đối tượng khác	18.889.192.990	18.889.192.990	40.498.288.886	40.498.288.886
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.174.209.240</b>	<b>32.174.209.240</b>	<b>75.241.484.186</b>	<b>75.241.484.186</b>

c. Phải trả người bán là các bên liên quan: BIỂU SỐ 2

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	15.115.163.799	16.089.944.518	15.115.163.799	16.089.944.518
Thuế tiêu thụ đặc biệt	129.377.578	1.305.427.760	1.296.104.688	138.700.650
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.168.701.639	934.945.851	2.768.701.639	334.945.851
Thuế thu nhập cá nhân	50.090.953	550.152.568	567.859.402	32.384.119
Thuế tài nguyên	2.202.890	25.413.880	25.326.770	2.290.000
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.218.985.055	2.218.985.055	-
Phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.886.000	37.294.000	37.180.000	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.468.422.859</b>	<b>21.162.163.632</b>	<b>22.029.321.353</b>	<b>16.601.265.138</b>
<b>b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.13 Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>664.824.446</b>	<b>400.863.050</b>
Chi phí bồi dưỡng độc hại	82.820.000	93.728.309
Trích trước phí kiểm toán BCTC	117.000.000	65.000.000
Chi phí phải trả khác	465.004.446	242.134.741
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>664.824.446</u></b>	<b><u>400.863.050</u></b>

**5.14 Phải trả khác**

	<u>31/12/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.681.518.192</b>	<b>6.354.878.609</b>
Kinh phí công đoàn	77.072.760	91.410.045
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.604.445.432	6.263.468.564
<i>Ban quản lý điều hành Công ty</i>	<i>444.655.076</i>	<i>466.020.000</i>
<i>Chi phí thuê khoán</i>	<i>88.200.000</i>	<i>145.000.000</i>
<i>Hỗ trợ đi lại</i>	<i>444.810.000</i>	<i>522.300.000</i>
<i>Phụ cấp trang phục</i>	<i>2.395.950.000</i>	<i>2.577.600.000</i>
<i>Nguồn quỹ XHH TKV cấp dự án Miếu mỏ</i>	<i>1.948.095.973</i>	<i>1.353.095.973</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.282.734.383</i>	<i>1.199.452.591</i>
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>6.681.518.192</u></b>	<b><u>6.354.878.609</u></b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.15 Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ ĐT PT</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>108.000.000.000</b>	-	<b>8.063.820.775</b>	<b>116.063.820.775</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	10.014.997.861	10.014.997.861
Tăng khác	-	399.573.116	-	399.573.116
Phân phối lợi nhuận	-	-	(8.063.820.775)	(8.063.820.775)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/ đầu năm nay</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>399.573.116</b>	<b>10.014.997.861</b>	<b>118.414.570.977</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	2.714.753.496	2.714.753.496
Tăng khác	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(10.014.997.861)	(10.014.997.861)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>399.573.116</b>	<b>2.714.753.496</b>	<b>111.114.326.612</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	93.518.000.000	93.518.000.000
Vốn góp của các Cổ đông	14.482.000.000	14.482.000.000
<b>Cộng</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>108.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn đầu tư đầu năm	108.000.000.000	108.000.000.000
Vốn đầu tư tăng trong năm	-	-
Vốn đầu tư giảm trong năm	-	-
Vốn đầu tư cuối năm	108.000.000.000	108.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>Số lượng CP đăng ký phát hành</b>	<b>10.800.000</b>	<b>10.800.000</b>
<b>Số lượng CP đã bán ra công chúng</b>	<b>10.800.000</b>	<b>10.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.800.000	10.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.800.000</b>	<b>10.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.800.000	10.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

**Các quỹ của Công ty**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Quỹ đầu tư phát triển	399.573.116	399.573.116
<b>Cộng</b>	<b>399.573.116</b>	<b>399.573.116</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	315.924.740.231	387.881.169.562
Doanh thu cung cấp dịch vụ	315.924.740.231	387.881.169.562

**6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	265.191.836.892	326.206.041.302
<b>Cộng</b>	<b>265.191.836.892</b>	<b>326.206.041.302</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền gửi	5.676.866	8.126.202
<b>Cộng</b>	<b>5.676.866</b>	<b>8.126.202</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền vay	4.114.940.582	5.555.680.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	72.035
<b>Cộng</b>	<b>4.114.940.582</b>	<b>5.555.752.085</b>

**6.5 Thu nhập khác**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Thu khác	322.431.815	290.427.267
<b>Cộng</b>	<b>322.431.815</b>	<b>290.427.267</b>

**6.6 Chi phí khác**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Thanh lý tài sản cố định	66.185.454	16.031.340
Các khoản phạt	-	73.680.690
Các khoản khác	665.019.595	815.858.628
<b>Cộng</b>	<b>731.205.049</b>	<b>905.570.658</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>42.565.167.042</b>	<b>42.867.290.748</b>
Chi phí nhân viên quản lý	10.544.833.407	12.839.693.760
Chi phí khác bằng tiền	21.088.693.125	22.532.357.572
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.931.640.510	7.495.239.416
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c. Các khoản giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>(38.631.262)</b>
<b>Cộng</b>	<b>42.565.167.042</b>	<b>42.828.659.486</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>301.906.321.429</b>	<b>369.382.612.155</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.909.165.482	138.878.338.414
Chi phí nhân công	97.073.014.691	123.415.378.222
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.348.228.520	29.186.671.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.693.255.770	10.043.766.488
Chi phí khác bằng tiền	62.882.656.966	67.858.457.118
<b>b. Các khoản ghi giảm chi phí</b>	<b>-</b>	<b>(38.631.262)</b>
<b>Cộng</b>	<b>301.906.321.429</b>	<b>369.343.980.893</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	934.945.851	2.668.701.639
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.649.699.347	12.683.699.500
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	1.025.029.908	659.808.695
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>1.025.029.908</i>	<i>659.808.695</i>
<i>Chuyển lỗ năm trước</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập tính thuế	4.674.729.255	13.343.508.195
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	934.945.851	2.668.701.639
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>934.945.851</b>	<b>2.668.701.639</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>2.714.753.496</b>	<b>10.014.997.861</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	2.714.753.496	10.014.997.861
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.800.000	10.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>251</b>	<b>927</b>

**7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 250.395.818.856

**7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 243.269.539.416

**8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 31/12/2018</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>	<b>144.159.132.062</b>	-	<b>144.159.132.062</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.596.520.396	-	2.596.520.396
Phải thu khách hàng	140.993.682.509	-	140.993.682.509
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	568.929.157	-	568.929.157
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>	<b>(131.843.688)</b>	-	<b>(131.843.688)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(131.843.688)	-	(131.843.688)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>144.027.288.374</b>	-	<b>144.027.288.374</b>
<b>Ngày 31/12/2018</b>			
Các khoản vay và nợ	65.558.704.547	-	65.558.704.547
Phải trả người bán	32.174.209.240	-	32.174.209.240
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	7.346.342.638	-	7.346.342.638
<b>Tổng cộng</b>	<b>105.079.256.425</b>	-	<b>105.079.256.425</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>38.948.031.949</b>	-	<b>38.948.031.949</b>
<b>Ngày 01/01/2018</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>	<b>179.424.995.474</b>	-	<b>179.424.995.474</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	792.844.836	-	792.844.836
Phải thu khách hàng	175.982.623.906	-	175.982.623.906
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	2.649.526.732	-	2.649.526.732
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>	<b>(92.290.582)</b>	-	<b>(92.290.582)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(92.290.582)	-	(92.290.582)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>179.332.704.892</b>	-	<b>179.332.704.892</b>
<b>Ngày 01/01/2018</b>			
Các khoản vay và nợ	58.432.425.107	-	58.432.425.107
Phải trả người bán	75.241.484.186	-	75.241.484.186
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	56.942.299.547	-	56.942.299.547
<b>Tổng cộng</b>	<b>190.616.208.840</b>	-	<b>190.616.208.840</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(11.283.503.948)</b>	-	<b>(11.283.503.948)</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

10640-  
G TY  
M HỮU  
CF  
NAM  
V - T.P

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<i>Phải thu khách hàng</i>	140.993.682.509	175.982.623.906	140.861.838.821	175.890.333.324
<i>Phải thu khác</i>	568.929.157	2.649.526.732	568.929.157	2.649.526.732
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	2.596.520.396	792.844.836	2.596.520.396	792.844.836
<b>Tổng cộng</b>	<b>144.159.132.062</b>	<b>179.424.995.474</b>	<b>144.027.288.374</b>	<b>179.332.704.892</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	65.558.704.547	58.432.425.107	65.558.704.547	58.432.425.107
<i>Phải trả người bán</i>	32.174.209.240	75.241.484.186	32.174.209.240	75.241.484.186
<i>Phải trả khác</i>	7.346.342.638	56.942.299.547	7.346.342.638	56.942.299.547
<b>Tổng cộng</b>	<b>105.079.256.425</b>	<b>190.616.208.840</b>	<b>105.079.256.425</b>	<b>190.616.208.840</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**8.2 Báo cáo bộ phận**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động khoan thăm dò (chiếm 96,93% doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh), do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**8.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Biểu số 01: Tổng hợp mua, bán vật tư hàng hóa, dịch vụ trong nội bộ Tập đoàn;
- Biểu số 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

Thu nhập trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

	<b>Năm 2018 (VND)</b>
Lương thưởng của Ban Giám đốc	1.439.667.476
Thù lao của Hội đồng Quản trị	334.152.000
Thù lao của Ban kiểm soát	136.080.000
<b>Cộng</b>	<b>1.909.899.476</b>

**8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

313  
CÔ  
CH NH  
P  
VIỆT  
XUÁ



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**8.5 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**



**ĐỖ THỊ ÂN**

**NGUYỄN THỊ HỒNG LAN**

**HÀ MINH THỌ**

440-C  
TY  
HỮU  
Đ  
AM  
T.P.

**TỔNG HỢP MUA, BÁN VẬT TƯ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
**Năm 2018**

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
	<b>Tổng mua</b>	<b>4.523.113.368</b>
1	Viện khoa học công nghệ VNCM - Mua dịch vụ	108.371.894
3	Công ty cổ phần vật tư - TKV - Xí nghiệp vật tư Cẩm phả - Mua vật tư	445.600.000
4	Viện khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin - Mua dịch vụ	540.000
5	CN Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam - C.Ty Than Quang Hanh - TKV - Mua vật tư	2.977.902.777
6	CN Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam - C.Ty Than Quang Hanh - TKV - Mua dịch vụ	68.040.000
7	Bệnh viện than - khoáng sản - Mua dịch vụ	430.022.958
8	Cty CP Than Hà Lâm -Vinacomin - Mua dịch vụ	194.631.822
9	Tạp chí than - Khoáng sản Việt Nam - Mua dịch vụ	237.818.182
10	Công ty Than Nam Mẫu - TKV - Mua dịch vụ	48.121.175
11	Cty than Thống Nhất - TKV - Mua dịch vụ	6.811.560
12	Công ty CP Than Cọc Sáu - Vinacomin - Mua dịch vụ	5.253.000
	<b>Tổng bán</b>	<b>307.579.748.012</b>
1	Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	1.153.740.900
2	Công ty Than Uông Bí - TKV	58.254.074.102
3	Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin	2.951.523.041
4	Công ty Than Dương Huy -TKV	1.559.871.136
5	Công ty CP Than Hà Lâm -TKV	25.957.221.928
6	Công ty Than Khe Chàm - TKV	2.116.694.405
7	Công ty Than Mạo Khê - TKV	27.748.984.483
8	Công ty Than Nam Mẫu - TKV	16.174.466.198
9	Công ty CP Than Núi Béo - Vinacomin	1.466.171.296
10	Công ty than Qang Hanh -TKV	14.466.729.974
11	Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	61.705.015.923
12	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	965.985.717
13	Công ty Tuyển Than Hòn Gai - Vinacomin	778.965.392
14	Công ty Than Thống Nhất - TKV	8.602.865.140
15	Công ty Than Hòn Gai - TKV	25.455.896.361
16	Công ty CP Than Cọc Sáu - Vinacomin	1.517.971.298

TỔNG HỢP MUA, BÁN VẬT TƯ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN  
Năm 2018

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
17	Công ty Than Hạ Long - TKV	31.849.488.748
18	Công ty CP Tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	1.937.824.304
19	Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	1.420.354.846
20	Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin	6.174.304.874
21	Công ty CP than Đèo Nai - Vinacomin	1.037.562.428
22	Tập đoàn CN Than Khoáng sản Việt Nam	13.486.633.380
23	Công ty CP than Cao Sơn - Vinacomin	352.943.353
24	Ban QLDA nhà máy tuyển than Khe Chàm - Vinacomin	444.458.785

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐỖ THỊ ÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HỒNG LAN

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

GIÁM ĐỐC



HÀ MINH THỌ

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304 Trần Phú, Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BIỂU SỐ 2

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

TT	Tên đơn vị	Đơn vị: VNĐ				
		131 1	331 2	138 3	136 4	338 5
<b>A</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU</b>	<b>139.676.234.200</b>	-	<b>102.939.356</b>	<b>11.173.627.945</b>	-
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	139.676.234.200	-	102.939.356	11.173.627.945	-
1	Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	319.101.420	-	-	-	-
2	Công ty Than Ưông Bí - TKV	19.669.339.153	-	-	-	-
3	Công ty CP Than Tây Nam Đă Mài - Vinacomin	2.635.668.857	-	-	-	-
4	Công ty Than Dương Huy - TKV	1.715.858.249	-	-	-	-
5	Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin	6.593.817.152	-	-	-	-
6	Công ty Than Khe Chàm - TKV	1.868.363.846	-	-	-	-
7	Công ty Than Mạo Khê - TKV	2.719.751.338	-	-	-	-
8	Công ty Than Nam Mẫu - TKV	11.488.392.453	-	-	-	-
9	Công ty CP Than Núi Béo - Vinacomin	1.328.293.825	-	-	-	-
10	Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	44.192.391.104	-	-	-	-
11	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	278.385.759	-	-	-	-
13	Công ty Tuyển Than Hòn Gai - Vinacomin	195.341.872	-	-	-	-
14	Công ty Than Thống Nhất - TKV	1.939.540.137	-	-	-	-
15	Công ty Than Hòn Gai - TKV	782.725.455	-	-	-	-
16	Công ty CP Than Cọc Sáu - Vinacomin	1.663.990.127	-	-	-	-
17	Công ty Than Hạ Long - TKV	32.974.324.245	-	-	-	-
18	Công ty CP Tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	1.477.859.339	-	-	-	-
19	Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	1.562.390.330	-	-	-	-
20	Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin	4.555.015.424	-	-	-	-
21	Công ty CP than Đèo Nai - Vinacomin	936.387.763	-	-	-	-
22	Tập đoàn CN than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	102.939.356	11.173.627.945	-
23	Công ty CP than Cao Sơn - Vinacomin	388.237.688	-	-	-	-
24	Ban QLDA nhà máy tuyển than Khe Chàm - Vinacomin	391.058.664	-	-	-	-
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2018

TT	Tên đơn vị	Đơn vị: VNĐ				
		131 1	331 2	Các khoản công nợ 138 3	136 4	338 5
A	B					
B.	CÁC KHOẢN CÔNG NỢ PHẢI TRẢ		76.570.990	-	-	1.948.095.973
I	Các khoản phải trả ngắn hạn		76.570.990	-	-	1.948.095.973
1	TTATM Viện khoa học CN VNCM		76.030.990	-	-	-
2	Viện KH CN mỏ Vinacomin		540.000	-	-	-
3	Tập đoàn CN than - Khoáng sản Việt Nam		-	-	-	1.948.095.973
II	Các khoản phải trả dài hạn		-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐỖ THỊ AN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HỒNG LAN

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

GIÁM ĐỐC



HÀ MINH THỌ